PHÒNG GD-ĐT TP ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG THCS HIM LAM

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THCS Him Lam năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số		Chia ra theo khối lớp							
		SL	%	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
I	**Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện**	**1087**		329		284		257		217	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**1040**	**95,7**	318	96,7	269	94,7	251	97,7	202	93,1
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**47**	**4,3**	11	3,3	15	5,3	6	2,3	15	6,9
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	**0**	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	**0**	0	0	0	0	0	0	0	0
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**1087**		329		284		257		217	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**696**	**64,0**	188	57,1	188	66,2	164	63,8	156	71,9
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**241**	**22,2**	77	23,4	61	21,5	64	24,9	39	18,0
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	**149**	**13,7**	64	19,5	35	12,3	28	10,9	22	10,1
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	**1**	**0,1**	0	0	0	0	1	0,4	0	0

5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	**0**	0	0	0	0	0	0	0	0
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**										
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	**1087**	**100**	329	100	284	100	257	100	217	100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	**696**	**64,0**	188	57,1	188	66,2	164	63,8	156	71,9
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	**241**	**21,9**	77	23,4	61	21,5	64	24,9	39	18,0
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	**1**	**0,1**	0	0	0	0,0	1	0,4	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	**0**	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	**3/4**		1/2		0/1		2/0		0/1	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	**0**	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	**0**	0	0	0	0	0	0	0	0
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**										
1	Cấp huyện	**119**						15	5,8	104	47,9
2	Cấp tỉnh/thành phố	**74**			0,0		0,0	7	2,7	67	30,9
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	7						4	1,6	3	1,4
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**									217	100

VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**									217	100
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)									**156**	**71,9**
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)									**39**	**18,0**
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)									**22**	**10,1**
VII	**Số học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp** (tỷ lệ so với tổng số)									6	2,8
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	**565/522**	**52/48**	178/151	54,1/45,9	133/151	46,8/53,1	137/120	53,3/46,7	117/100	53,9/46,1
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	**199**	**18,3**	61	18,5	53	18,7	50	19,5	35	16,1

Noong Bua, ngày 02 tháng 6 năm 2024.

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. ĐIỆN BIÊN PHỦ T. ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HIM LAM

Cao Thị Đại